

Tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương ở Việt Nam¹

Hoàng Thị Chinh Thon²

Phạm Thị Hương³

Phạm Thị Thủy⁴

Tóm tắt

Bài nghiên cứu của chúng tôi đánh giá, phân tích chi tiêu cấp tỉnh và cấp huyện tác động như thế nào đến tăng trưởng của địa phương. Dựa vào cơ sở lý thuyết mô hình của Barro (1990), Devarajan, Swaroop và Zou (1996), Davoodi và Zou (1998), chúng tôi xây dựng mô hình với hai thành phần chi tiêu chính phủ. Đó là chi tiêu cấp tỉnh và chi tiêu cấp huyện. Với số liệu đã thu thập được ở 31 địa phương ở Việt Nam, chúng tôi tiến hành phân tích hồi quy. Kết quả hồi quy được cho thấy nguồn chi cho đầu tư cấp huyện cần được tăng cường, trong khi chi tiêu đầu tư cấp tỉnh nên giảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Từ khóa: H72

Phân loại: Phân cấp ngân sách, chi ngân sách địa phương, chi tiêu công, tăng trưởng kinh tế

Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của VEPR.

¹ Nhóm tác giả chân thành cảm ơn TS. Phạm Thế Anh (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân) và TS. Nguyễn Đức Thành (VEPR) vì những thảo luận và gợi ý quý báu trong quá trình hoàn thiện nghiên cứu này.

² Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR). Email: hoang.chinhthon@vepr.org.vn.

³ Cộng tác viên, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁴ Nghiên cứu viên, Phòng ngành hàng, Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp (CAP), Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD).

Mục lục

Giới thiệu	3
Mô hình lý thuyết.....	6
Mô hình thực nghiệm.....	8
Một số hàm ý chính sách	18
Kết luận.....	19
Tài liệu tham khảo	20
Các chú thích trong bài	21

Danh mục hình

Hình 1. Mối quan hệ giữa chi đầu tư cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005.....	11
Hình 2. Mối quan hệ giữa chi thường xuyên cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005	11
Hình 3. Mối quan hệ giữa chi khác cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005	12
Hình 4. Mối quan hệ giữa chi đầu tư cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005	12
Hình 5. Mối quan hệ giữa chi thường xuyên cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005.....	13
Hình 6. Mối quan hệ giữa chi khác cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005.....	13

Danh mục bảng

Bảng 1. Các thống kê trung bình khi phân chia các địa phương theo các nhóm.....	9
Bảng 2. Kết quả hồi quy	16

Giới thiệu

Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế là một thực tế, đồng thời mang tính nguyên lý đã được thừa nhận rộng rãi. Chính phủ có thể dùng chính sách tài khoá để can thiệp vào nền kinh tế, dưới hình thức thu chi ngân sách Nhà nước. Keynes đánh giá cao hệ thống thuế khoá và công trái Nhà nước, nhờ chúng mà bổ sung thu nhập cho ngân sách. Các khoản chi của chính phủ cũng có tác dụng điều tiết nền kinh tế như các khoản thu. Theo Keynes, Nhà nước cần thực hiện các biện pháp tăng cầu có hiệu quả, kích thích tiêu dùng sản xuất. Nhà nước dùng ngân sách để tiến hành các đơn đặt hàng, trợ cấp về tài chính, đảm bảo lợi nhuận ổn định cho tư nhân. Đồng thời, nhà nước phải có chương trình đầu tư với quy mô lớn (Keynes, 1936). Một số nhà kinh tế học khác cũng ủng hộ cho việc chi tiêu chính phủ để cung cấp các hàng hoá dịch vụ công. Các hàng hoá dịch vụ này thường có hiệu quả vốn đầu tư thấp, vốn lớn thời gian thu hồi vốn dài, nhưng nó rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế xã hội. Các hàng hóa và dịch vụ công điển hình mà nhà nước có thể cung cấp bao gồm: đường giao thông, bệnh viện, trường học, hệ thống điện lưới quốc gia; và tạo thể chế kinh tế - xã hội: luật pháp, hệ thống thực thi pháp luật, chính sách, chương trình mục tiêu. Các hàng hoá này không thể cung cấp bởi tư nhân do vấn đề kẻ ăn không và người đại diện. Nhà nước thu thuế của tất cả mọi cá nhân và cung cấp hàng hoá dịch vụ công như một cách bồi hoàn gián tiếp về thuế. Tuy nhiên, các nhà kinh tế học vẫn đang tranh luận nhiều về quy mô chi tiêu ngân sách lớn hay quy mô chi tiêu ngân sách nhỏ thì tốt hơn cho sự phát triển kinh tế.

Chi ngân sách được chia ra nhiều thành phần khác nhau, mỗi thành phần lại có tác động khác nhau tới tăng trưởng kinh tế. Trong quyết toán chi ngân sách, các nước thường chia ra ba thành phần chính: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; các khoản chi khác (chi trả nợ, chi khác). Chi đầu tư phát triển tạo thêm năng lực sản xuất cho nền kinh tế, có tác động dài hạn tới tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, chi đầu tư phát triển có đặc thù là có độ trễ về thời gian (việc thực hiện các hạng mục công trình của dự án cần thời gian dài), vốn đầu tư nằm khê đọng trong giai đoạn tiến hành dự án đầu tư. Có thể ảnh hưởng của đầu tư phát triển trong năm (giai đoạn đang xét) là tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên không thể kết luận ngay là phải cắt giảm thành phần này mà phải căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia hay các chương trình của chính phủ. Chi thường xuyên là các khoản chi để duy trì hoạt động của bộ máy hành chính, hay các khoản chi xuất hiện hàng năm. Khoản chi thường xuyên đảm bảo cung cấp hàng hoá - dịch vụ về hành chính, pháp luật... tạo môi trường vĩ mô cho hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Để thúc đẩy tăng trưởng, việc chi tiêu ở cấp chính quyền nào cũng là điều cần cân nhắc. Phân cấp tài khoá, chuyển sức mạnh của chính quyền cấp trên tới chính quyền cấp dưới, là một phân trong nhóm giải pháp cải cách khu vực công, tăng tính cạnh tranh của các chính quyền cấp dưới trong việc cung cấp hàng hoá dịch vụ công và thoát khỏi tình trạng tăng trưởng kinh tế chậm (Bahl & Linn, 1992 và Bird & Wallich, 1993). Thực tế ở các nền dân chủ, chính quyền địa phương do nhân dân địa phương bầu ra. Chính quyền này hiểu rõ những nhu cầu và nguyện vọng

của người dân, những đặc điểm của tình hình kinh tế - xã hội ở địa bàn mình quản lý. Những quyết định của chính quyền địa phương có thể phản ánh đúng nhu cầu của đông đảo nhân dân địa phương và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương đó. Các quyết định trên có thể có tác động rất lớn tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương. Nên việc phân cấp chi tiêu về địa phương có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lớn hơn là để tập trung các khoản chi ở chính quyền cấp cao. Phân cấp chi ngân sách xuống cấp chính quyền địa phương khiến người dân quan tâm hơn tới những người đại diện cho họ. Những người đại diện có năng lực tốt thì các khoản chi mới thực sự đem lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương. Như vậy, trong công tác phân cấp tài chính cho các cấp chính quyền, hiệu quả phân phối các dịch vụ công cộng phụ thuộc vào hiệu quả và trách nhiệm của cơ quan hành chính (Geeta và cộng sự, 2004). Người dân sẽ thận trọng việc bầu chính quyền địa phương mình. Dẫn tới, các chính quyền địa phương yếu kém có thể được thay thế bằng chính quyền có năng lực tốt hơn. Như vậy, phân cấp chi ngân sách địa phương có ý nghĩa cả về mặt kinh tế và về mặt chính trị - xã hội. Nó vừa giúp sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực hạn hẹp của ngân sách nhà nước, vừa xây dựng được ý thức dân chủ giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính và dần xây dựng được một chính quyền thật sự có năng lực. Tuy nhiên, các hàng hóa công cộng cũng như các khoản thu ngân sách có ảnh hưởng lớn ra ngoài phạm vi của địa phương đó thì nên để chính quyền trung ương đảm nhiệm. Và các nước có chế độ kém dân chủ và việc quản lý giám sát chính quyền địa phương kém, chính sách này có thể làm ảnh hưởng xấu tới tăng trưởng kinh tế. Vì các khoản chi tiêu của chính quyền địa phương sai mục đích hay kém hiệu quả do tham nhũng. Để phân cấp quản lý thật sự phát huy cao nhất những ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế của các địa phương cần có thể chế quản lý ngân sách địa phương tốt và cơ cấu phân bổ hợp lý.

Sau đây, chúng tôi điểu qua các nghiên cứu về chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở các nước và ở Việt Nam. Với sự trỗi dậy của lý thuyết tăng trưởng vào những năm 1980 đã có rất nhiều phân tích thực nghiệm. Phải kể đến đầu tiên đó là nghiên cứu của Mankiw, Romer và Weil (1992), tuy nhiên nghiên cứu này chưa thực sự làm rõ vai trò của chi tiêu chính phủ đối với tăng trưởng. Trước Mankiw, Romer và Weil (1992) có những nghiên cứu của Kormendi và Meguire (1985) và Barro (1991). Hai nghiên cứu này cùng khai thác số liệu từ nhiều nước trên thế giới và mức tăng trưởng được tính toán trong một thời kỳ dài. Họ đã sử dụng phân tích hồi quy bội với rất nhiều biến giải thích nhằm giải thích cho sự khác nhau về tốc độ tăng trưởng giữa các nước. Các biến được lựa chọn dựa trên các lý thuyết tăng trưởng và trên các dự đoán. Tuy nhiên, hai nghiên cứu này lại cho kết quả khác nhau. Kormendi và Meguire (1985) chỉ ra rằng chi tiêu chính phủ không hề tác động đến tăng trưởng, còn Barro (1991) lại chỉ ra rằng chi tiêu chính phủ có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Một số nghiên cứu khác về mối quan hệ giữa tổng chi tiêu chính phủ, cơ cấu chi tiêu chính phủ và tăng trưởng như Devarajan, Swaroop và Zou (1996), Chen (2006) và Ghosh và Gregoriou (2008). Với số liệu thu thập được từ 43 nước, trong khoảng 20 năm nghiên cứu của Davoodi, Swaroop và Zou (1996) đã chỉ ra một kết quả khá rất đáng chú ý: Sự gia tăng chi đầu tư có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, trong khi đó sự gia tăng

chi thường xuyên lại có tác động tích cực. Ghosh và Gregoriou (2008) sử dụng phương pháp GMM (Generalized Method of Moments), với số liệu thu thập từ 15 nước đang phát triển trong quãng thời gian 28 năm, cũng đưa ra kết quả khá nhất quán với kết quả trên. Theo kết quả phân tích thực nghiệm của họ, chi thường xuyên có đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, chứ không phải chi đầu tư. Từ số liệu mảng cho 34 tỉnh thành của Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2005 cùng với phương pháp tiếp cận tham số (dựa trên hàm sản xuất ngẫu nhiên) và phương pháp tiếp cận phi tham số (dựa trên DEA) Nguyễn Khắc Minh (2008) đã chỉ ra tính phi hiệu quả trong chi tiêu công tồn tại trong cả chi tiêu công và đầu tư công hàng năm. Cũng nhằm mục đích xem xét mối quan hệ giữa cơ cấu chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế Phạm Thế Anh (2008b) đã dùng số liệu thu thập được từ 61 tỉnh thành ở Việt Nam trong giai đoạn 2001-2005. Tác giả chia chi đầu tư và thường xuyên thành năm ngành khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu ứng tích cực hơn của các khoản chi đầu tư so với chi thường xuyên trong một số ngành và ngược lại chi thường xuyên có tác động tích cực hơn đối với chi đầu tư trong một số ngành khác.

Khả năng tác động của mức độ phân cấp tài khoá đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Một số nghiên cứu điển hình như: Davoodi, Xie, Zhou (1995) , Zhang và Zhou (1997, 1998), Davoodi và Zhou (1998), Woller và Phillips (1998), Lin và Liu (2000)... Theo các nghiên cứu của Zhang và Zhou (1997) và Lin và Liu (2000), phân cấp tài khoá có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế lần lượt tại Ấn Độ và Trung Quốc. Trong khi nhiều nghiên cứu khác cho kết quả là sự phân cấp tài khoá làm chậm tốc độ tăng trưởng, ví dụ như Zhang và Zhou (1998) đối với Trung Quốc, Davoodi, Xie, Zhou (1995) đối với Mỹ và Davoodi và Zhou (1998) đối với mẫu nghiên cứu bao gồm các nước phát triển và đang phát triển. Ngoài ra, Woller và Phillips (1998) lại không tìm thấy mối liên hệ nào giữa hai vấn đề này ở các nước đang phát triển. Nguyễn Phi Lân (2009) với số liệu thu thập được ở 61 tỉnh thành của Việt Nam chỉ ra rằng phân cấp tài khoá có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế tại các địa phương ở Việt nam.

Như vậy, đã có một số nghiên cứu về vấn đề chi tiêu ngân sách ở các địa phương của Việt Nam như: Nguyễn Khắc Minh (2008) xét đến hai thành phần chi tiêu ngân sách nói chung là chi đầu tư và chi thường xuyên; Phạm Thế Anh (2008b) xét đến chi đầu tư và chi thường xuyên ở các ngành của từng địa phương; Nguyễn Phi Lân (2009) xét cả thu và chi ngân sách ở các địa phương. Khác với nghiên cứu trên, bài nghiên cứu này phân chia ngân sách địa phương thành chi đầu tư, chi thường xuyên và chi khác ở hai cấp là cấp tỉnh và cấp dưới cấp tỉnh. Câu hỏi mà chúng tôi đặt ra cho bài nghiên cứu này là các thành phần chi tiêu ở các cấp cấp (cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh) đã được phân bổ hợp lý chưa? Liệu có cách phân bổ nào tốt hơn không?

Để trả lời câu hỏi trên, chúng tôi dựa trên một số mô hình lý thuyết về chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế được sử dụng phổ biến để xây dựng mô hình xem xét đánh giá hiệu quả các khoản chi ngân sách ở cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh. Với bộ số liệu thu thập được của 31 địa phương tại Việt Nam, chúng tôi xây dựng mô hình kinh tế lượng đơn giản sử dụng

phương pháp ước lượng tham số với một số biến kiểm soát ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương. Kết quả của mô hình thực nghiệm cho thấy việc tăng cường đầu tư cấp huyện và giảm đầu tư cấp tỉnh có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khá lớn. Chúng tôi chỉ đưa ra các nhận định dựa trên kết quả nhận được từ mô hình đề xuất mà không bàn tới các vấn đề khác có liên quan như công tác quản lý vốn hay hình thức cấp vốn đầu tư thế nào là hiệu quả nhất.

Ngoài phần giới thiệu bài nghiên cứu của chúng tôi có ba phần nữa. Tiếp sau phần này là phần xây dựng mô hình lý thuyết và phương pháp sử dụng trong nghiên cứu. Tiếp đó, chúng tôi trình bày mô hình thực nghiệm chúng tôi đã tiến hành và hàm ý chính sách của mô hình này. Phần IV là một số kết luận chung của bài viết.

Mô hình lý thuyết

Trên thế giới có ba mô hình rất nổi tiếng về chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế là của Barro (1990), Devarajan, Swaroop và Zou (1996), Davoodi và Zou (1998). Mô hình của Barro (1990) nói về tác động của chi tiêu chính phủ nói chung tới tăng trưởng kinh tế. Mô hình của Devarajan, Swaroop và Zou (1996) phân chia chi tiêu chính phủ thành 2 thành phần chi tiêu. Mô hình của Davoodi và Zou (1998) chia chi tiêu chính phủ thành 3 cấp là liên bang, bang và cấp dưới bang. Dựa vào ba mô hình trên chúng tôi xây dựng mô hình của bài nghiên cứu như sau.

Mô hình của chúng tôi sử dụng hàm sản xuất với hai đầu vào là tư bản tư nhân và chi tiêu chính phủ. Nếu ký hiệu k là lượng tư bản tư nhân trên một đơn vị lao động hiệu quả, g là tổng chi tiêu chính phủ, g_s là chi ở cấp chính quyền tỉnh, g_l là chi ở cấp chính quyền huyện. Mô hình của chúng tôi được xây dựng như sau:

Khu vực sản xuất:

Để đơn giản, chúng tôi giả định hàm sản xuất có dạng Cobb-Douglas và có hiệu suất không đổi theo quy mô, với sản lượng phụ thuộc vào lượng tư bản của khu vực tư nhân trên một đơn vị lao động hiệu quả và hai thành phần chi tiêu khác nhau của chính phủ là g_s và g_l . Cụ thể hàm sản xuất được viết dưới dạng:

$$y = k^\alpha g_{st}^{\beta_1} g_{lt}^{\beta_2} \quad (1) \quad \text{với } \alpha > 0, \beta_1 > 0, \beta_2 > 0 \text{ và } \alpha + \beta_1 + \beta_2 = 1$$

Trong đó, y là sản lượng bình quân đầu người, α là độ co giãn của tổng sản lượng y với tổng lượng tư bản trên một đơn vị lao động hiệu quả của nền kinh tế. Còn β_1, β_2 lần lượt là độ co giãn của tổng sản lượng y với các thành phần chi tiêu chính phủ.

Khu vực chính phủ: Do không nhằm mục đích xem xét vai trò của các loại thuế suất khác nhau đến tăng trưởng, nên chúng tôi cũng giả định chi tiêu chính phủ được tài trợ bằng một

mức thuế suất cố định τ . Điều đó hàm ý chính phủ luôn thực hiện cân ngân sách cân bằng. Do vậy :

$$g = \tau * y = g_s + g_l$$

$$g_s = \phi_s g \Rightarrow g_s = \phi_s \tau y \quad (2)$$

$$g_l = \phi_l g \Rightarrow g_l = \phi_l \tau y \quad (3)$$

Trong đó ϕ_i ($i = s$ và l) là tỷ trọng chi tiêu của chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện.

Thay (2) và (3) vào (1)⁽¹⁾:

$$y_t = k_t (\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} \quad (4)$$

Phương trình (4) thể hiện mối quan hệ giữa tổng sản lượng của kinh tế với tỷ trọng chi tiêu của chính quyền cấp tỉnh và tỷ trọng chi tiêu của chính quyền cấp huyện.

Hộ gia đình:

Giả định rằng nền kinh tế gồm các hộ gia đình giống nhau, với các quyết định của chính phủ về τ và ϕ_i mỗi hộ gia đình sẽ lựa chọn các quyết định về mức tiêu dùng c để tối đa hoá lợi ích cho cả vòng đời. Dựa trên lý thuyết lợi ích cận biên giảm dần nên giả định hàm lợi ích của hộ gia đình là: $u(c) = \ln(c)$ và vấn đề của hộ gia đình là tối đa hoá:

$$U = \sum_0^{\infty} \beta^t u(c_t) d_t \quad (5)$$

với ràng buộc:

$$(1-\tau)y = c_t + k_{t+1} - k_t + \delta k \quad (6)$$

Phương trình (6) hàm ý phần thu nhập sau thuế (thu nhập khả dụng) sẽ được phân chia cho hai mục đích là tiêu dùng ngay và tiết kiệm để tái đầu tư với mong muốn có được thu nhập lớn hơn trong tương lai. Ngầm định rằng số lao động trong nền kinh tế không thay đổi, đầu tư để bù đắp lượng tư bản bị hao mòn (δk) và tăng thêm lượng tư bản ròng cho nền kinh tế.

Giải bài toán với kỹ thuật Lagrange⁽²⁾ ta có được tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là:

$$\gamma = \beta[(1-\tau)\tau^{\frac{1-\alpha}{\alpha}} \phi_s^{\frac{\beta_1}{\alpha}} \phi_l^{\frac{\beta_2}{\alpha}} + 1 - \delta] - 1 \quad (7)$$

Từ phương trình (7) lấy đạo hàm của tốc độ tăng trưởng theo tỷ trọng chi tiêu cấp tỉnh ta được kết quả như sau:

$$\frac{d\gamma}{d\phi_s} = s(1-\tau) \frac{1}{\alpha} (\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \phi_3^{\beta_3} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} \left(\frac{\beta_1}{\phi_s} - \frac{\beta_2}{\phi_l} \right) \quad (8)$$

Cho $\frac{d\gamma}{d\phi_s} = 0$ ta có tỷ trọng chi tiêu tối ưu của các cấp:

$$\phi_s^* = \frac{\beta_1}{\beta_1 + \beta_2}, \phi_l^* = \frac{\beta_2}{\beta_1 + \beta_2} \quad (9)$$

Khi mà tổng chi cho ngân sách địa phương là không thay đổi. Nếu tỷ trọng chi ngân sách ở các cấp chưa đạt tới mức tối ưu này thì việc chuyển dịch cơ cấu chi tiêu có thể thúc đẩy tăng trưởng mà không cần phải tăng tỷ trọng chi tiêu chính phủ trong GDP.

Để $\frac{d\gamma}{d\phi_s} > 0$ thì $\frac{\beta_1}{\phi_s} > \frac{\beta_2}{\phi_l}$, điều này hàm ý sự chuyển dịch cơ cấu chi tiêu giữa hai thành phần

s là l làm tăng hay giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế không chỉ phụ thuộc vào hiệu suất (độ co giãn β) của hai thành phần với tổng sản lượng y mà còn phụ thuộc cả vào tỷ trọng ban đầu của hai thành phần đó. Nếu ϕ_s đang quá lớn so với ϕ_l , thì việc chính phủ chuyển dịch cơ cấu chi tiêu theo hướng tăng chi tiêu cho thành phần s bằng cách giảm chi tiêu cho thành phần l có thể không làm tăng tốc độ tăng trưởng ngay cả khi thành phần chi tiêu s có hiệu suất đối với tổng sản lượng y lớn hơn so với thành phần chi tiêu l (tức là ngay cả khi $\beta_s > \beta_l$). Nói cách khác, việc thu tóm phần lớn các khoản chi ngân sách địa phương của các tỉnh có thể không thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của địa phương đó mặc dù hệ số co giãn lớn.

Vậy có nên tăng tỷ trọng các khoản chi cấp huyện và giảm tỷ trọng các khoản chi cấp tỉnh hay không? Câu trả lời cho câu hỏi này còn phụ thuộc vào cơ cấu chi ngân sách địa phương và những đặc trưng riêng về thể chế của từng quốc gia.

Mô hình thực nghiệm

Mô hình thực nghiệm chúng tôi xây dựng dựa trên bộ số liệu thu thập được của 31 địa phương năm 2004 và 2005. Nguồn số liệu được lấy từ quyết toán thu, chi ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là các địa phương), các báo cáo và điều tra của tổng cục thống kê về GDP các địa phương. Trong quyết toán của từng địa phương ghi rõ chi ngân sách địa phương và chi ngân sách cấp tỉnh, quyết toán địa phương nào không theo bố cục như trên chúng tôi không chọn vào mẫu. Còn chi tiêu cấp huyện quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) được tính toán dựa trên số liệu chi địa phương trừ đi chi cấp tỉnh. Do bị hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn số liệu nên chúng tôi chỉ có mẫu quan sát của 31 địa phương. Với bộ số liệu đó nên mô hình chỉ có thể xem xét được mối quan hệ ngắn hạn giữa tỷ trọng thành phần chi tiêu các cấp tới tăng trưởng kinh tế. Các khoản chi trong ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện được chia thành ba mục lớn gồm: chi đầu tư phát triển (chi xây dựng cơ bản và chi đầu tư phát triển khác), chi thường xuyên (chi cho y tế, giáo dục, hành chính, an ninh quốc phòng, sự nghiệp, khoa học công nghệ), các khoản chi khác (cấp

tính bao gồm các khoản chi còn lại trừ khoản chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới như: trả lãi gốc, chi cho chương trình mục tiêu; cấp huyện là các khoản chi còn lại ngoài chi đầu tư và chi thường xuyên). Chúng tôi còn thu thập các chỉ tiêu sau của các địa phương: chi tiêu công trên GDP, lạm phát riêng, tỷ lệ tăng trưởng, tỷ lệ tăng thu nhập bình quân, GDP năm 2003.

Thực trạng về chi ngân sách tại 31 địa phương ở Việt Nam

Trong quyết toán chi ngân sách của 31 địa phương trong mẫu chúng tôi chọn thì tỷ trọng trung bình chi của cấp huyện trong ngân sách địa phương chiếm gần 39% năm 2004 và gần 36% năm 2005. Trong khi đó chi ngân sách tỉnh chiếm hơn 61% năm 2004 và hơn 64% năm 2005. Các địa phương có tỷ trọng chi ngân sách cấp huyện cao như Lai Châu, Nghệ An năm 2005 (hơn 60%), Hưng Yên năm 2004 (hơn 70%). Tỷ trọng chi cấp huyện các địa phương khác chủ yếu chiếm từ 40% trở lên. Những địa phương chi ít như Đà Nẵng cũng trên 10% (2005), Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20% (2005). Tiếp theo, chúng tôi chia mẫu thu thập được thành các nhóm để có cái nhìn rõ hơn về thực trạng chi ngân sách ở các địa phương (Bảng 1).

Bảng 1. Các thống kê trung bình khi phân chia các địa phương theo các nhóm

		Tỷ lệ trong mẫu quan sát	Cấp tỉnh			Cấp huyện và xã (cấp dưới tỉnh)		
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi khác	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi khác
Trung bình chung			22,17	19,29	17,21	7,98	26,34	7,02
Chi tiêu công trên GDP	Cao hơn mức trung bình	35,48	24,01	16,86	20,33	5,04	25,29	8,46
	Thấp hơn mức trung bình	64,52	21,15	20,63	15,49	9,59	26,91	6,23
Lạm phát riêng	Cao hơn mức trung bình	51,61	24,78	18,34	16,70	6,77	25,80	7,61
	Thấp hơn mức trung bình	48,39	19,38	20,30	17,75	9,27	26,91	6,39
Tỷ lệ tăng trưởng	Cao hơn mức trung bình	45,16	21,40	20,12	16,87	8,86	25,35	7,40
	Thấp hơn mức trung bình	54,84	22,80	18,60	17,48	7,25	27,15	6,71
Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân	Cao hơn mức trung bình	35,48	22,58	18,97	17,17	7,83	25,14	8,30
	Thấp hơn mức trung bình	64,52	21,94	19,46	17,23	8,06	26,99	6,31
GDP	Cao hơn	16,13	29,36	18,88	18,22	7,77	19,15	6,62

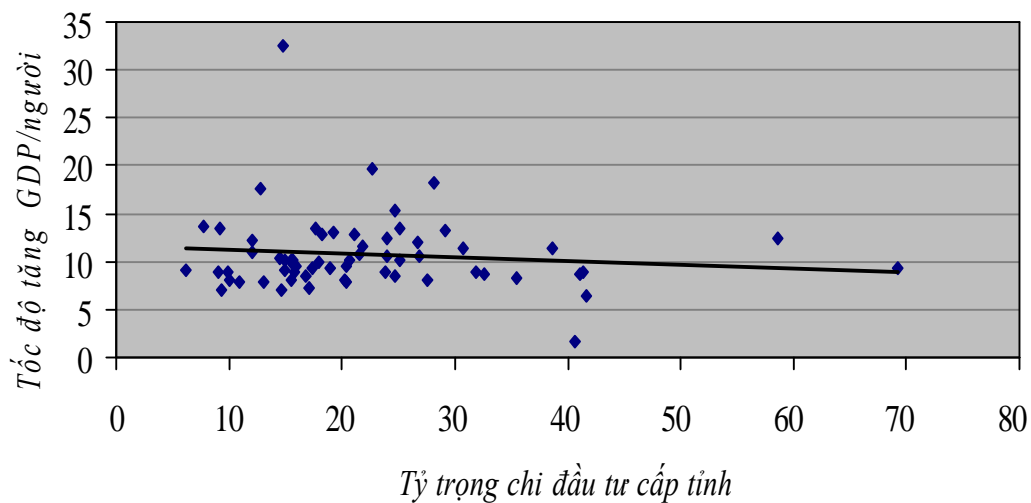
năm 2003	mức trung bình							
	Thấp hơn mức trung bình	83,87	20,78	19,37	17,01	8,02	27,72	7,10
Chỉ tiêu công dưới 15% GDP của địa phương (nhóm 1)		30,65	26,15	20,90	15,27	6,68	24,87	6,14
Chỉ tiêu công trên 55% GDP của địa phương (nhóm 2)		9,68	19,94	16,39	21,66	4,82	25,35	11,85

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Chúng tôi tính trung bình của các chỉ số chỉ tiêu công trên GDP, lạm phát riêng, tỷ lệ tăng trưởng, tỷ lệ tăng thu nhập bình quân, GDP năm 2003. Dựa trên mức trung bình của các chỉ số đó chúng tôi phân chia 31 địa phương thành hai nhóm: một nhóm có các chỉ số tương ứng trên mức trung bình và một nhóm các chỉ số tương ứng dưới mức trung bình. Bảng 1 cho thấy ở mức trung bình chung, chi thường xuyên cấp huyện cao nhất sao đó là chi đầu tư cấp tỉnh. Chi thường xuyên cấp huyện (tổng chi thường xuyên của tất cả các huyện và các xã trong địa phương đó) chỉ gấp gần 1,5 lần chi thường xuyên của tỉnh. Chi đầu tư cấp huyện lớn gấp khoảng 3 lần chi đầu tư cấp huyện. Như vậy, nhiệm vụ chi vẫn tập trung phần lớn ở cấp tỉnh nhất là chi đầu tư. Khi phân chia hai nhóm theo mức trung bình các chỉ tiêu, với chỉ tiêu tỷ lệ tăng trưởng và lạm phát riêng thì hai nhóm tương đối ngang bằng còn ở các chỉ tiêu khác thì chênh lệch khá lớn. Nhưng sự khác nhau giữa hai nhóm ở tất cả các chỉ tiêu là không lớn. Tiếp theo, chúng tôi xem xét thống kê trung bình của các tỉnh có chỉ tiêu công ở địa phương dưới 15% GDP của địa phương đó và các tỉnh có chỉ tiêu công ở địa phương trên 55% GDP của địa phương đó. Những tỉnh thuộc nhóm 2 là những tỉnh có GDP năm 2003 thấp nhất. Mức GDP thấp nhất nhưng tỷ lệ chi tiêu trên GDP lại cao nhất. Điều này cho thấy các địa phương nghèo các khoản thu ngân sách địa phương không đủ bù đắp các khoản chi và phải nhận việc trợ rất lớn từ ngân sách nhà nước. Tình trạng trên diễn ra là do nền kinh tế các địa phương đó yếu các khoản thu thấp và cơ chế thu chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam. Ở Việt Nam thì ngân sách nhà nước vẫn thu phần lớn các khoản thu. Số liệu về thu chi ngân sách của các cấp cho thấy thu ngân sách địa phương chiếm hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước, cụ thể: 34,3% (năm 2004), 32,94% (năm 2005); tổng chi tiêu của các cấp chính quyền từ cấp tỉnh trở xuống năm 2004 đạt 48,2%, năm 2005 là 48,21%. Như vậy ngân sách trung ương phải cấp bù cho ngân sách địa phương gần 20%. Đây gọi là mô hình thu tập trung và chi phân cấp.

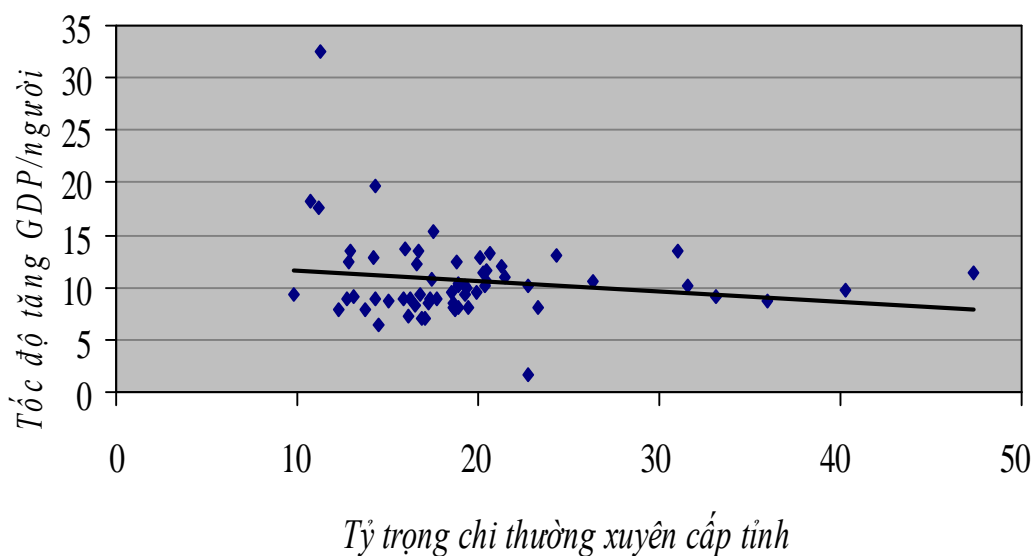
Tiếp theo, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa các thành phần chi tiêu chính phủ ở các cấp và tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004-2005.

Hình 1. Mối quan hệ giữa chi đầu tư cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



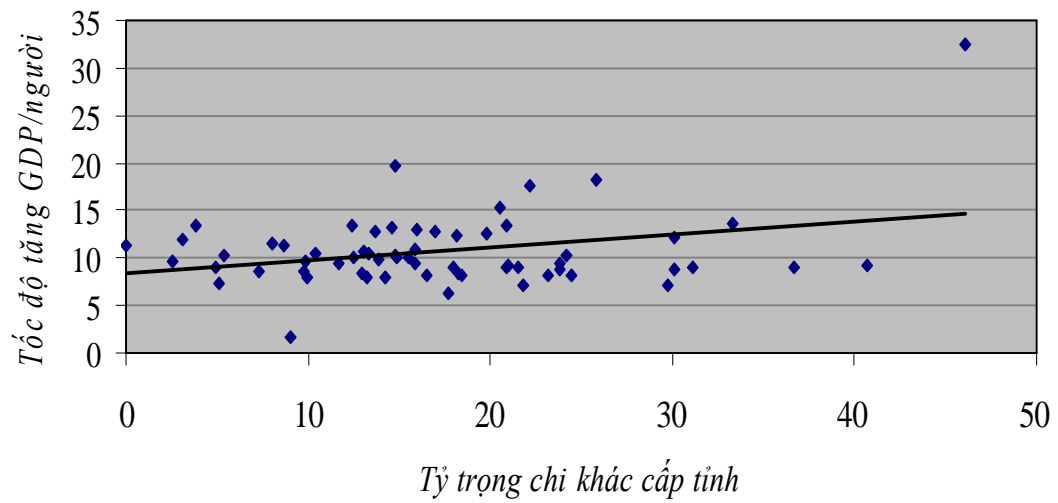
Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Hình 2. Mối quan hệ giữa chi thường xuyên cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



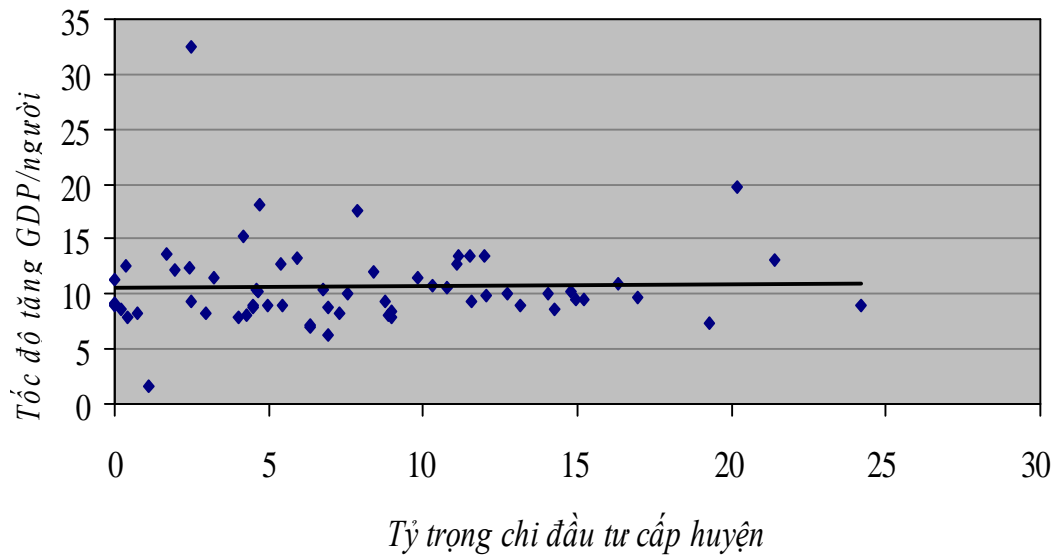
Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Hình 3. Mối quan hệ giữa chi khác cấp tỉnh và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



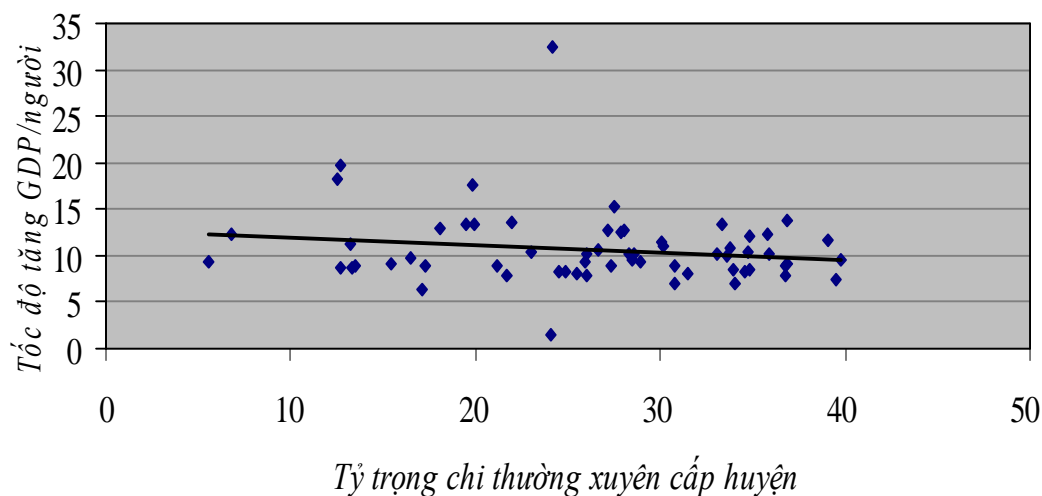
Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Hình 4. Mối quan hệ giữa chi đầu tư cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



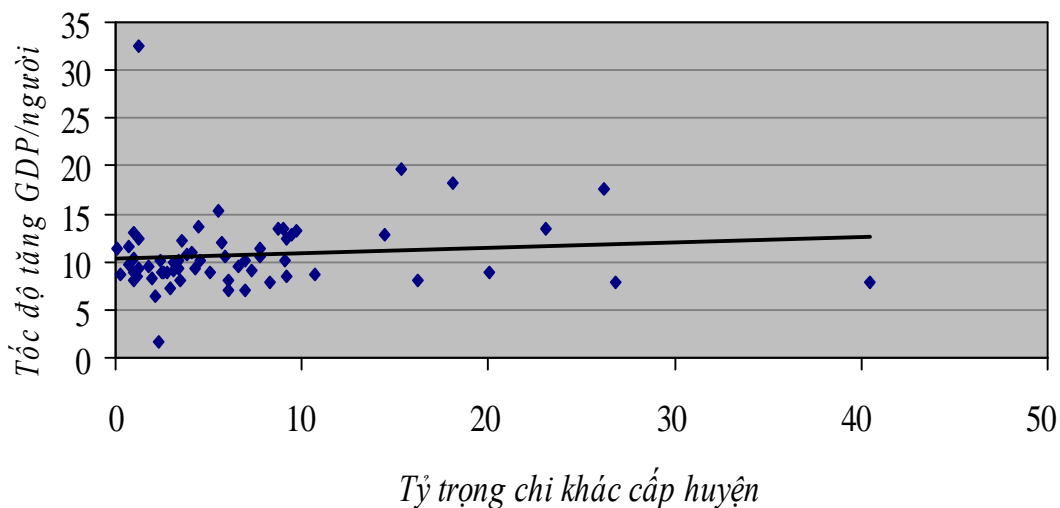
Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Hình 5. Mối quan hệ giữa chi thường xuyên cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Hình 6. Mối quan hệ giữa chi khác cấp huyện và tăng trưởng kinh tế năm 2004-2005



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Tài Chính (2009)

Từ hình 1 đến hình 6, chúng tôi nhận thấy rằng hầu hết các địa phương có tỷ trọng chi đầu tư cấp tỉnh chiếm khoảng từ 10% đến 30%. Tỷ trọng chi thường xuyên cấp tỉnh của các địa phương thường chiếm từ 10% đến 20%. Chi thường xuyên cấp huyện của các địa phương phần lớn chiếm từ 25% đến 40%. Tỷ trọng chi khác cấp huyện của các địa phương thường nhỏ hơn 10%. Tuy nhiên, chúng tôi không thấy được rõ mối quan hệ

giữa các thành phần chi tiêu các cấp với tăng trưởng kinh tế trừ chi khác cấp tỉnh (có thể tác động tích cực). Như vậy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc cải thiện thu nhập bình quân đầu người mà chi tiêu công ở các địa phương không phải là yếu tố duy nhất (hay có tác động chi phối hoàn toàn). Việc bổ sung một số biến kiểm soát để lọc ra tác động thực của chi tiêu công ở các địa phương là điều rất cần thiết.

Mô hình phân tích thực nghiệm:

Trong phần này, chúng tôi xây dựng mô hình thực nghiệm dựa trên bộ số liệu thu thập được ở 31 địa phương trong năm 2004 và năm 2005. Do chỉ tập trung xem xét mối quan hệ giữa các thành phần chi tiêu ở các cấp nên để đơn giản mô hình chúng tôi đề xuất như sau:

$$gpc_{it} = \beta_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + \alpha_1 \phi_{1s,it} + \alpha_2 \phi_{2s,it} + \alpha_3 \phi_{3s,it} + \alpha_4 \phi_{1l,it} + \alpha_5 \phi_{2l,it} + \alpha_6 \phi_{3l,it} + \varepsilon_{it} \quad (5.1)$$

Tuy nhiên, để tránh hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo vì $\sum_{j=1}^3 \phi_{js,it} + \sum_{j=1}^3 \phi_{jl,it} = 1$ nên chúng tôi đã bỏ đi biến $\phi_{1s,it}$ (biên tỷ trọng đầu tư cấp tỉnh). Sau một số biến đổi cơ bản⁽⁵⁾ chúng tôi có mô hình cuối cùng mà chúng tôi sử dụng để thực hiện hồi quy là:

$$gpc_{it} = a_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + (\alpha_2 - \alpha_1) \phi_{2s,it} + (\alpha_3 - \alpha_1) \phi_{3s,it} + (\alpha_4 - \alpha_1) \phi_{1l,it} + (\alpha_5 - \alpha_1) \phi_{2l,it} + (\alpha_6 - \alpha_1) \phi_{3l,it} + \varepsilon_{it} \quad (5.2)$$

Các hệ số $(\alpha_j - \alpha_1)$ thể hiện hiện quả tương đối của khoản chi j ($j=2,6$) so với chi đầu tư cấp tỉnh. Nếu hệ số này dương thì hiệu quả của khoản chi j lớn hơn khoản chi đầu tư tỉnh. Điều đó đồng nghĩa, nên chuyển dịch từ thành phần chi đầu tư cấp tỉnh sang khoản chi j , và ngược lại.

Trong đó:

- Biến gpc_{it} là tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của địa phương i tại năm t và được xác định như sau:

$$gpc_{it} = \frac{gdp_{it} - gdp_{i(t-1)}}{gdp_{i(t-1)}} \times 100\% =$$

- Biến t_{it} là tỷ trọng chi tiêu chính phủ trên GDP của từng địa phương năm t .

- Biến p_t là tốc độ thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng trong cả nước năm t , được tính bằng: $p_t = \log(CPI_t) - \log(CPI_{t-1})$

⁵ Xem phần Các chú thích trong bài

- Biến lk_{it} là logarit cơ số tự nhiên của lượng vốn tích lũy các doanh nghiệp ở địa phương i năm t

- Biến ly_i^0 là logarit cơ số tự nhiên của GDP theo giá so sánh năm 1994 của các tỉnh năm 2003

- Biến $\phi_{1s,it}$ là tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển cấp tỉnh của địa phương i năm t

- Biến $\phi_{2s,it}$ là tỷ trọng chi thường xuyên cấp tỉnh của địa phương i năm t

- Biến $\phi_{3s,it}$ là tỷ trọng các khoản chi khác cấp tỉnh của địa phương i năm t

- Biến $\phi_{1l,it}$ là tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển cấp huyện của địa phương i năm t

- Biến $\phi_{2l,it}$ là tỷ trọng chi thường xuyên cấp huyện của địa phương i năm t

- Biến $\phi_{3l,it}$ là tỷ trọng các khoản chi khác cấp huyện của địa phương i năm t

- Và u_{it} là sai số ngẫu nhiên

Như chúng ta đã biết, trong thực tế có rất nhiều các nhân tố khác nhau có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ngoài các biến trong mô hình lý thuyết là tỷ trọng của các thành phần chi tiêu cấp tỉnh và huyện, tỷ trọng chi tiêu của địa phương trên GDP, biến vốn tích lũy tư bản của các doanh nghiệp, chúng tôi còn đưa thêm một số biến kiểm soát như: tốc độ thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng cả nước, log của GDP các tỉnh năm 2003. Lý do mà chúng tôi đưa các biến này vào mô hình có thể được giải thích như sau:

Thứ nhất, với biến p_t là tốc độ thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng trong cả nước, chúng tôi đưa vào để kiểm soát phản ứng chung của tất cả các địa phương với cú sốc chung của nền kinh tế. Nói cách khác, biến này nhằm xem xét mối quan hệ giữa môi trường lạm phát của cả nước và tăng trưởng kinh tế của từng địa phương.

Biến ly_i^0 (log của GDP các tỉnh năm 2003), biến này để kiểm định sự hội tụ của thu nhập thực bình quân đầu người các địa phương và kiểm soát những đặc trưng riêng của từng địa phương không đưa vào được mô hình. Vì trong mô hình lý thuyết tân cổ điển có chứng minh được rằng do quy luật năng suất biên cận biên giảm dần, những tỉnh nào có mức thu nhập ban đầu cao thì mức thu nhập tăng thêm khi đầu tư thêm một đồng vốn sẽ nhỏ hơn các tỉnh có thu nhập ban đầu thấp. Với lý thuyết đã chỉ ra như ở trên, nên chúng tôi kì vọng biến này sẽ mang giá trị âm.

Kết quả hồi quy:

Sử dụng bộ số liệu của 31 địa phương trong năm 2004 và năm 2005, chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng Pooled OLS. Sau khi ước lượng mô hình trên chúng tôi có kết quả như bảng 2 và có một số kết luận chính như sau:

Bảng 2. Kết quả hồi quy

Biến số	Hệ số	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa	Biến số	Hệ số	Độ lệch chuẩn	Mức ý nghĩa
t_{it}	-0,4007***	0,1500	1%	$\phi_{3s,it}$	0,2257***	0,0626	1%
$t_{it} * t_{it}$	0,0050***	0,0019	1%	$\phi_{1l,it}$	0,2903***	0,0914	1%
p_t	2,4289***	0,8537	1%	$\phi_{2l,it}$	-0,0891	0,0669	
ly_i^0	-4,4725***	1,2944	1%	$\phi_{3l,it}$	-0,0070	0,0729	
lk_{it}	4,5031***	1,6709	1%	R_square	0,403698		
$\phi_{2s,it}$	-0,0176	0,0881		F_statistic	3,452710		
				P_value	0,001611		

Kết quả hồi quy của chúng tôi trong Bảng 2 cho thấy quy mô chi tiêu của chính phủ trên GDP ở các địa phương (τ) có mối quan hệ ở dạng phi tuyến với tăng trưởng kinh tế. Trên thế giới một số kết quả thực nghiệm cho thấy quan hệ giữa chi tiêu chính phủ trên GDP với tăng trưởng kinh tế là hàm phi tuyến ở dạng đường cong Rahn (lồi so với gốc tọa độ). Hàm ý rằng, nếu cứ tăng tỷ trọng chi tiêu ngân sách vượt qua một mức nào đó sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, mô hình của chúng tôi lại cho kết quả ngược lại, phải tăng tỷ trọng chi tiêu ngân sách vượt quá mức giới hạn nào đó thì mới ảnh hưởng tốt tới tăng trưởng kinh tế của địa phương. Điều này có thể được giải thích bởi những lý do sau. Thứ nhất, hệ thống cơ sở hạ tầng của nước ta vẫn còn rất yếu kém, nếu lượng đầu tư không đủ thì các khoản đầu tư ấy tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Nó thể hiện tính thiếu đồng bộ và tính dàn trải trong đầu tư công. Khi việc đầu tư vượt qua một ngưỡng nào đó thì việc đầu tư mới phát huy hiệu quả tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Thứ hai, tác động ngược chiều của biến này có thể hiểu do độ trễ của đầu tư cơ sở hạ tầng mà thời gian xem xét của bài nghiên cứu ngắn. Hay tăng chi tiêu để trợ cấp gây ra hiện tượng ỷ lại, giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong nền kinh tế (chi trợ cấp cho các doanh nghiệp). Có thể gặp phải những rủi ro đạo đức ở các đối tượng nhận trợ cấp, làm các khoản trợ cấp không đến được tay những đối tượng thuộc diện chính sách mà chính phủ hướng tới. Làm giảm tác động đáng mong muốn của các chính sách này. Ngoài ra, có thể do đặc điểm thu chi ngân sách tại Việt Nam theo hình thức là thu tập trung và chi phân cấp. Ngân sách nhà nước đã tập trung nguồn lực của các địa phương và phân bổ lại các nguồn lực đó theo định hướng phát triển của nhà nước. Cho nên, chi ngân sách ở nhiều địa phương không được tài trợ trực tiếp từ các nguồn lực của địa phương đó. Cơ chế này làm giảm tính chủ động sáng tạo của các chính quyền địa phương trong việc thực hiện quản lý thu chi ngân sách và gây áp lực rất lớn cho ngân sách trung ương. Ngân sách địa phương luôn thăng bằng bởi khoản trợ cấp của trung ương (nếu cần) còn

mọi khoản thâm hụt đều dồn về ngân sách trung ương. Ngân sách địa phương có thể đi vay nhưng số vay không lớn hơn 30% chi đầu tư cấp tỉnh (theo quy định của Luật ngân sách nhà nước). Như vậy, biến này không được hiểu là tác động của thuế với hiệu ứng lần át đầu tư tư nhân và hiệu ứng bóp méo tới tăng trưởng kinh tế.

Biến p_t có mối quan hệ dương với biến tăng trưởng kinh tế. Biến này được tính là phần trăm thay đổi của CPI trong cả nước. Kết quả này là dễ hiểu bởi vì trong hai năm 2004 và năm 2005 nền kinh tế Việt Nam trải qua thời kì tăng trưởng và lạm phát cao⁶.

Kết quả ước lượng của hệ số đi với biến lk_{it} rất có ý nghĩa thống kê tại mức 1% và có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy là phần vốn đầu tư của các doanh nghiệp luôn là động lực lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Vì các nguồn đầu tư vào khu vực này luôn được sử dụng hiệu quả hơn rất nhiều trong khu vực nhà nước (Minh và Long, 2008).

Ngoài ra, biến ly_i^0 cũng phản ánh đúng lý thuyết khi dấu của hệ số này âm và có ý nghĩa thống kê tại mức 1%. Trong lý thuyết mô hình tăng trưởng Tân cổ điển đã chứng minh được rằng do quy luật năng suất cận biên giảm dần, những tỉnh nào có mức thu nhập ban đầu cao thì mức thu nhập tăng thêm khi đầu tư thêm một đồng vốn sẽ nhỏ hơn các tỉnh có thu nhập ban đầu thấp hơn.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ đi sâu vào phân tích kết quả các khoản chi tiêu ở các cấp có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế tại các địa phương.

Trong mô hình xây dựng, chúng tôi đã bỏ đi biến tỷ trọng đầu tư cấp tỉnh để tránh hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo. Việc bỏ đi biến này không có nghĩa là biến này không quan trọng, mà chỉ muốn lấy hiệu quả chi tiêu cho khoản chi đầu tư cấp tỉnh làm mốc so sánh với hiệu quả chi tiêu của các khoản khác. Điều này hàm ý rằng nếu trong mô hình ước lượng mà có một thành phần nào tác động tích cực đến biến tăng trưởng kinh tế thì chúng ta có thể tài trợ thêm cho các khoản chi tiêu đó bằng việc cắt giảm chi tiêu cho khoản chi đầu tư phát triển cấp tỉnh. Còn nếu các hệ số của các khoản chi ra âm, thì điều đó cũng không nhất thiết phản ánh thành phần chi tiêu đó có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Mà chỉ là thể hiện rằng chúng ta nên giảm khoản chi đó để chuyển sang chi cho đầu tư phát triển cấp tỉnh hoặc các khoản chi tiêu khác có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Trong kết quả hồi quy mà chúng tôi có được, thì có hai biến rất có ý nghĩa và có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế đó là biến chi đầu tư phát triển cấp huyện và khoản chi khác của tỉnh. Hệ số đi với biến đầu tư cấp huyện có giá trị bằng 0,2903 có nghĩa là khi các yếu tố khác không đổi thì nếu tăng 1% tỷ trọng chi cho đầu tư huyện được tài trợ bởi sự cắt

⁶ Tốc độ tăng của GDP của năm 2004 và năm 2005 lần lượt là 7,8% và 8,4%. Con số tương ứng của tốc độ tăng CPI là 9,5% và 8,4% (Nguồn: Tổng cục thống kê)

giảm của chi đầu tư tỉnh chuyển sang thì tốc độ tăng trưởng của địa phương sẽ tăng xấp xỉ 0.29 điểm %. Cũng tương tự như thế, hệ số đi với biến chi khác cấp tỉnh bằng 0,2257 có nghĩa là tốc độ tăng trưởng của địa phương sẽ tăng khoảng 0.22 điểm % nếu tăng 1% chi các khoản chi khác cấp tỉnh trong điều kiện các yếu tố khác không đổi và cũng lấy tài trợ từ sự cắt giảm trong chi đầu tư cấp tỉnh. Điều này hàm ý là chúng ta nên cắt giảm khoản chi cho đầu tư phát triển cấp tỉnh để tăng cường chi cho khoản đầu tư cấp huyện và các khoản chi khác của tỉnh. Các khoản chi khác của tỉnh gồm: Chi trả nợ gốc, lãi các khoản huy động theo Khoản 3, Điều 8 Luật ngân sách nhà nước, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi các chương trình mục tiêu. Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước, chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau.

Ngoài ra, do các biến khác có hệ số đi với tỷ trọng của các khoản chi như: chi thường xuyên của huyện, chi khác của tỉnh, chi khác của huyện không có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý rằng việc chuyển dịch tỷ trọng các khoản chi sang chi đầu tư phát triển của tỉnh không làm ảnh hưởng tới tỷ lệ tăng trưởng của địa phương.

Một số hàm ý chính sách

Theo kết quả của mô hình thực nghiệm thì khoản đầu tư cấp tỉnh ảnh hưởng không đem lại hiệu quả cao bằng đầu tư cấp huyện và chi cho các chương trình mục tiêu. Tỷ trọng chi ngân sách của địa phương vẫn chưa tối ưu đặc biệt là với các khoản chi cho đầu tư cấp huyện và chi khác cấp tỉnh (chi cho các chương trình mục tiêu). Như vậy, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các địa phương thì chúng ta nên chú trọng tới các dự án đầu tư cấp huyện và nâng tỷ trọng đầu tư phát triển cấp huyện. Các dự án đầu tư cấp huyện với tính hiệu quả và khả thi sẽ góp phần rất lớn trong việc nâng cao mức sống của nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh mà Đảng và chính phủ đã đề ra. Cụ thể nếu tăng 1% đầu tư cấp huyện và được tài trợ từ vốn đầu tư cấp tỉnh thì tăng trưởng sản lượng tăng thêm khoảng 0,29 điểm %. Các khoản chi khác của tỉnh như chi cho các chương trình mục tiêu cũng khá hiệu quả. Khi tăng chi khác cấp tỉnh (chi cho các chương trình mục tiêu) lên 1% thì làm tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế thêm 0.22 điểm %. Việc quan tâm đúng mức tới các khoản chi này cũng là một điều rất nên làm tại các địa phương.

Kết luận

Chúng tôi dựa chủ yếu vào mô hình lý thuyết về phân cấp chi tiêu chính phủ của Davoodi và Zou (1998) để xây dựng mô hình xem xét mối quan hệ giữa phân cấp chi tiêu địa phương tại Việt Nam. Căn cứ bộ số liệu thu thập được của 31 địa phương trong hai năm 2004 và 2005, chúng tôi tiến hành phân tích hồi quy bằng phương pháp Pooled OLS và kết quả cho thấy mối quan hệ ngắn hạn giữa tăng trưởng kinh tế và tỷ trọng chi tiêu các cấp. Có một số biến trong mô hình không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, các biến khác có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết luận đáng chú ý được rút ra là tính hiệu quả tương đối giữa chi đầu tư cấp huyện với chi đầu tư cấp tỉnh và chi khác của tỉnh (chi cho các chương trình mục tiêu) với chi đầu tư cấp tỉnh.

Kiến nghị của chúng tôi là nên chuyển dịch cơ cấu chi tiêu các cấp ở các địa phương theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư cấp huyện, giảm tỷ trọng chi đầu tư cấp tỉnh. Với kiến nghị này, chúng tôi mong muốn các nhà quản lý chú ý hơn tới các dự án khả thi, có tính hiệu quả ở cấp huyện và giảm bớt các dự án kém hiệu quả, khả thi cấp tỉnh. Ngoài ra, việc xác định và thực hiện các chương trình mục tiêu của cấp tỉnh khá tốt, nó có tác động đáng kể tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương. Các tỉnh cần chú trọng và quan tâm thực hiện tốt các chương trình này.

Các kiến nghị trên chúng tôi dựa vào kết quả mô hình kinh tế lượng với 31 địa phương trong 2 năm 2004 và 2005. Nên chúng tôi rất mong muốn sẽ được trở lại vấn đề này trong các nghiên cứu sau với số liệu đầy đủ hơn với chuỗi thời gian dài hơn. Hoặc sẽ sử dụng các phương pháp phân tích hồi quy khác. Hoặc sẽ đưa thêm một số kiểm soát khác để có thể thấy rõ hơn tác động của chi tiêu chính phủ tới tăng trưởng kinh tế như là biến vốn con người: năng lực của các cán bộ các cấp hay là trình độ của lao động trong địa phương đó. Vấn đề này cũng khác quan trọng khi xem xét hiệu quả các khoản chi, vì chắc chắn một chính quyền địa phương có năng lực kém và mức độ tham nhũng cao ảnh hưởng rất xấu tới hiệu quả các khoản chi tiêu công.

Tài liệu tham khảo

- Bộ tài chính, Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2004 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=4733&FolderCode=99>
(15:5:2009)
- Bộ tài chính, Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2005 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=5712&FolderCode=112>
(15:5:2009)
- Bộ tài chính, *Dự toán ngân sách nhà nước Việt Nam năm 2004*
- Bộ tài chính, *Dự toán ngân sách nhà nước Việt Nam năm 2005*
- Nguyễn Phi Lân, “Đánh giá tác động của phân cấp quản lý tài khoá đến tăng trưởng kinh tế địa phương tại Việt Nam”
- Nguyễn Khắc Minh, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thị Minh, Tăng trưởng chuyên đổi cơ cấu và chính sách kinh tế ở Việt Nam thời kỳ đổi mới, NXB Khoa học và kỹ thuật (p41-70)
- Phạm Thế Anh, “Chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế: Khảo sát lý luận tổng quan”, bài nghiên cứu NC-02/2008, bài nghiên cứu của CEPR.
- Phạm Thế Anh, “Phân tích cơ cấu chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”, bài nghiên cứu NC-03/2008, bài nghiên cứu của CEPR.
- Barro, R. J, (1990), “Government Spending in a Simple Model of Economic Growth”.
- Barro, R. J, and Sala-i-Martin X, (1992), “Public Finance in Model of Economic Growth”
- Bahl, R. W.,& Linn, J. F (1992). *Urban public finance in developing countries*. New York: Oxford Univ. Press.
- Bird, R. M., & Wallich, C. (1993). *Fiscal decentralization and intergovernmental relations in transition economies: towards a systematic framework of analysis*. Washington, DC: The World Bank.
- Keynes, J. M (1936). *The General Theory of Employment, Interest and Money*.
<http://www.marxists.org/reference/subject/economics/keynes/general-theory/index.htm>
(15:5:2009)
- Geeta Sethi, Roy Bahl, Luis Constantino, Fitz Ford, M.A. Oommen, M. Govinda Rao (2004). *India Fiscal Decentralization to Rural Governments*, Document of the World Bank
<http://siteresources.worldbank.org/EXTSAREGTOPDECENTRALIZATION/Resources/496899-1095189822590/521764-1095190669879/VolumeI.pdf> (14:5:2009)

Các chú thích trong bài

$$(1) \text{ Với } g_s = \phi_s \tau y \quad (2.1)$$

$$g_t = \phi_t \tau y \quad (2.2) \quad , \quad \phi_s + \phi_t = 1$$

$$y = k^\alpha g_s^{\beta_1} g_t^{\beta_2} \quad (2.3) \quad , \quad \alpha > 0, \beta_1 > 0, \beta_2 > 0 \text{ và } \alpha + \beta_1 + \beta_2 = 1$$

Thay (2.1) và (2.2) vào (2.3):

$$y_t = k_t^\alpha (\phi_s \tau y_t)^{\beta_1} (\phi_t \tau y_t)^{\beta_2}$$

$$\Rightarrow y_t = k_t^\alpha \phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} (\tau y_t)^{1-\alpha}$$

$$\Rightarrow y_t = (k_t^\alpha \phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}}$$

$$\Rightarrow y_t = k_t (\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} \quad (2.4)$$

(2) Giải bài toán tối đa hoá lợi ích của người tiêu dùng bằng kỹ thuật Lagrange:

$$U = \sum_0^\infty \beta^t u(c_t) d_t \quad (2.5)$$

$$\text{Ràng buộc: } (1-\tau)y_t = c_t + k_{t+1} - k_t + \delta k_t \quad (2.6)$$

Thiết lập hàm Lagrange cho các biến rời rạc:

$$H = \sum_0^\infty \beta^t u(c_t) d_t - \sum_0^\infty \beta^t \lambda_t ((1-\tau)y_t - c_t - k_{t+1} + k_t - \delta k_t)$$

với $y_t = k_t (\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}}$ và $u(c) = \ln(c)$ ta có hệ phương trình:

$$\frac{\partial H}{\partial c_t} = \frac{1}{c_t} \beta^t - \lambda_t \beta^t = 0 \quad (2.6.1)$$

$$\frac{\partial H}{\partial k_{t+1}} = -\lambda_t \beta^t + \lambda_{t+1} \beta^{t+1} ((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta) = 0 \quad (2.6.2)$$

$$\frac{\partial H}{\partial \lambda_t} = (1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} - c_t - k_{t+1} + k_t - \delta k_t = 0 \quad (2.6.3)$$

Từ (6.1) có: $\frac{1}{c_t} = \lambda_t$ thay vào (2.6.2):

$$\frac{1}{c_t} = \frac{1}{c_{t+1}} \beta ((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta)$$

$$\Rightarrow \frac{c_{t+1}}{c_t} = \beta ((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta)$$

$$\Rightarrow \frac{c_{t+1}}{c_t} - 1 = \beta ((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta) - 1$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta c_t}{c_t} = \beta ((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_t^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta) - 1$$

$$\Rightarrow \gamma = \frac{\Delta c_t}{c_t} = \beta((1-\tau)(\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} + 1 - \delta) - 1 \quad (2.7)$$

(3) Đạo hàm của tăng trưởng theo tỉ trọng chi tiêu:

$$\begin{aligned} \frac{\partial \gamma}{\partial \phi_s} &= \frac{\beta_1}{\alpha} \phi_s^{-1} \beta (1-\tau) (\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} - \frac{\beta_2}{\alpha} \phi_l^{-1} \beta (1-\tau) (\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} \\ \Rightarrow \frac{\partial \gamma}{\partial \phi_s} &= \frac{1}{\alpha} \beta (1-\tau) (\phi_s^{\beta_1} \phi_l^{\beta_2} \tau^{1-\alpha})^{\frac{1}{\alpha}} \left(\frac{\beta_1}{\phi_s} - \frac{\beta_2}{\phi_l} \right) \end{aligned}$$

(4) biến đổi từ phương trình (a) ra phương trình (b)

$$\begin{aligned} gpc_{it} = \beta_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + \alpha_1 \phi_{1s,it} + \alpha_2 \phi_{2s,it} + \alpha_3 \phi_{3s,it} \\ + \alpha_4 \phi_{1l,it} + \alpha_5 \phi_{2l,it} + \alpha_6 \phi_{3l,it} + \varepsilon_t \quad (a) \end{aligned}$$

$$\text{Vì } \phi_{1s,it} + \phi_{2s,it} + \phi_{3s,it} + \phi_{1l,it} + \phi_{2l,it} + \phi_{3l,it} = 1$$

$$\rightarrow \phi_{1s,it} = 1 - \phi_{2s,it} - \phi_{3s,it} - \phi_{1l,it} - \phi_{2l,it} - \phi_{3l,it}$$

Thay vào (a) ta có:

$$\begin{aligned} gpc_{it} = \beta_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + \alpha_1 (1 - \phi_{2s,it} - \phi_{3s,it} - \phi_{1l,it} - \phi_{2l,it} - \phi_{3l,it}) + \alpha_2 \phi_{2s,it} \\ + \alpha_3 \phi_{3s,it} + \alpha_4 \phi_{1l,it} + \alpha_5 \phi_{2l,it} + \alpha_6 \phi_{3l,it} + \varepsilon_t \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \Rightarrow gpc_{it} = \beta_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + (\alpha_2 - \alpha_1) \phi_{2s,it} + (\alpha_3 - \alpha_1) \phi_{3s,it} + (\alpha_4 - \alpha_1) \phi_{1l,it} \\ + (\alpha_5 - \alpha_1) \phi_{2l,it} + (\alpha_6 - \alpha_1) \phi_{3l,it} + (\alpha_1 + \varepsilon_t) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \Rightarrow gpc_{it} = \beta_0 + \beta_1 t_{it} + \beta_2 p_t + \beta_3 lk_{it} + \beta_4 ly_i^0 + \beta_5 t_{it}^2 + (\alpha_2 - \alpha_1) \phi_{2s,it} + (\alpha_3 - \alpha_1) \phi_{3s,it} + (\alpha_4 - \alpha_1) \phi_{1l,it} \\ + (\alpha_5 - \alpha_1) \phi_{2l,it} + (\alpha_6 - \alpha_1) \phi_{3l,it} + u_{it} \quad (b) \end{aligned}$$

$$\text{Với } u_{it} = \alpha_1 + \varepsilon_t$$



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

High Economic Growth
Sustainable Development
Sound Macroeconomy

LIÊN HỆ

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Số 01, ngách 8/41/82
Phố Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 6 275 3894

Fax: (84-4) 6 275 3895

Email: info@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

Innovative Policies
Sustainable Development
Sound Macroeconomy

© 2010 Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Creative Destruction